

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/KDTM-ST**

Ngày: 28/3/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng xây dựng*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Thị Kim Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Tuấn;
2. Ông Vương Đình Quang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung –
Cán bộ Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia
phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét
xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số:
55/2022/TLST-KDTM ngày 25/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây
dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-KDTM
ngày 09/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST– KDTM ngày
24/3/2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty V. Địa chỉ: Khu X, xã K, huyện T, Thành phố
H. Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thanh Q – chức vụ: Giám đốc. Đại diện
theo ủy quyền: Văn phòng Luật sư A. Địa chỉ: số X, ngõ Y, phường M, quận
N, thành phố H – Luật sư tham gia tố tụng: Luật sư Bùi Văn T, Luật sư Lưu
Thị H (Ông T, bà H có mặt).

Bị đơn: Công ty A. Địa chỉ: Số X, xóm Y, khu đô thị Z, phường T,
quận L, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Min Eul K – Tổng giám đốc.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:**

Ngày 18/07/2020, Công ty V và Công ty A đã ký Hợp đồng cung cấp và lắp đặt Panel tường, mái và vách ngăn số: 18A/07/2020/HĐ – PANEL, Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 (“dưới đây gọi tắt là Hợp đồng”).

Thực hiện Điều 5 Hợp đồng, Công ty V đã hoàn thành nội dung công việc theo Hợp đồng về việc thi công xây dựng nhà máy mới Long Bình Electronics, hạng mục cung cấp lắp đặt Panel tường, mái và vách ngăn. Công ty A không có bất kỳ khiếu nại gì về số lượng, chất lượng hàng hóa, tiến độ thi công, hạng mục thi công của Công ty V.

Ngày 05/04/2021, Công ty V và Công ty A đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng số: 01/NTĐĐVSD/WK -MT, đồng ý nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng và Biên bản thanh lý Hợp đồng kinh tế số: 18A/07/2020/HĐ – PANEL với nội dung: Công ty V đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo Hợp đồng cho Công ty A với giá trị quyết toán hoàn thành: **4.535.300.000 VNĐ** (*Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm nghìn*).

Theo đó, Công ty A đã thực hiện thanh toán cho Công ty V số tiền: 3.481.880.000 VNĐ (Ba tỷ bốn trăm tám mươi một triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) chia làm 04 lần:

- Lần 1: 23/07/2020: 816.200.000 VNĐ
- Lần 2: 01/09/2020: 1.224.300.000 VNĐ
- Lần 3: 03/11/2020: 941.380.000 VNĐ
- Lần 4: 29/01/2021: 500.000.000 VNĐ

Tại Khoản 8.3 Điều 8 Hợp đồng thì khi hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty A có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị khối lượng quyết toán sau khi Công ty V hoàn thành các công việc thỏa thuận theo Hợp đồng.

Tại Khoản 8.4 Điều 8 Hợp đồng, Công ty A thanh toán cho Công ty V trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Công ty A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Công ty V.

Tại Khoản 8.5 Điều 8 Hợp đồng, Công ty A thanh toán toàn bộ khoản tiền bị giữ lại cho Công ty V khi có đủ căn cứ xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Công ty V hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình hoặc Công ty A nhận được bảo lãnh từ Công ty V theo Điều 18 của Hợp đồng.

Thực hiện Điều 18 Hợp đồng, Công ty V đã phát hành Thư bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm số: 070MD2111307111 ngày 23/04/2021 và Văn bản sửa đổi thư bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm số: 070MD2111307111 – LẦN 1 ngày 14/05/2021 tương đương 5% giá trị quyết toán để thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Công ty V đã phát hành văn bản số 0106/2021/MT – WK ngày 1/6/2021 về việc quyết toán giá trị hoàn thành, đề nghị Công ty A thanh toán cho Công ty V số tiền: 1.053.420.000 VNĐ (Một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Công ty V đã ủy quyền cho Văn phòng Luật sư Z phát hành văn bản số 1407/NEWSUN - MATEC ngày 14/07/2021, Văn bản số: 1808/NEWSUN – MATEC ngày 18/08/2021 về việc yêu cầu Công ty A thanh toán khoản nợ gốc nêu trên.

Tính đến thời điểm này, Công ty A vẫn chưa thanh toán cho Công ty V số tiền: 1.053.420.000 VNĐ (Một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Nhận thấy, hành vi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt Panel tường, mái và vách ngăn số: 18A/07/2020/HĐ – PANEL, Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03.

Vì vậy, Công ty V kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội giải quyết:

Buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty V số tiền: 1.053.420.000 VNĐ (Một tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 20/02/2023, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi đơn cụ thể: đề nghị Tòa án buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty V số tiền: 611.930.000 đồng (rút yêu cầu khởi kiện tương ứng với số tiền: 441.490.000 đồng).

Ngày 20/02/2023, nguyên đơn làm đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 14/5/2021 đến ngày 20/2/2023 với mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm tương ứng với 0.0274%/ngày là: 108.481.726 đồng (trên số nợ gốc: 611.930.000 đồng).

***Bị đơn là Công ty A:** Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng khác của Tòa án, nhưng Công ty A không đến Tòa án làm việc và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án, không thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc là: 611.930.000 đồng (Sáu trăm mười một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 14/5/2021 đến ngày 28/3/2023 là 685 ngày x 0,0274/1 ngày = 114.853.141 đồng. Tổng số tiền bên nguyên đơn yêu cầu thanh toán là 726. 783.141 đồng.

Bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 204, 205 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 611.930.000 đồng (Sáu trăm mười một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng); Nợ lãi tính từ ngày 14/5/2021 đến 28/3/2023 số tiền: 114.853.141 đồng. Tổng số tiền bên nguyên đơn yêu cầu thanh toán là 726.783.141 đồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: **Công ty A** có đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: Số X, xóm Y, khu đô thị Z, phường T, quận L, thành phố H. Vì vậy việc Công ty V khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐ-XXST ngày 09/3/2023, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng cung cấp và lắp đặt Panel tường, mái và vách ngăn số: 18A/07/2020/HĐ – PANEL, Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 (“dưới đây gọi tắt là Hợp đồng”). Hợp đồng này có giá trị thời hạn đến ngày 01/9/2020.

Ngày 21/10/2021 nguyên đơn đã nộp đơn cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm khởi kiện Công ty A yêu cầu thanh toán nợ là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[2] Về nội dung:

Về tài liệu, chứng cứ:

Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp được thể hiện: Nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng cung cấp và lắp đặt Panel tường, mái và vách ngăn số: 18A/07/2020/HĐ – PANEL, Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 (“dưới đây gọi tắt là Hợp đồng”). Hợp đồng này được quy định các điều khoản cụ thể rõ ràng và được lập thành văn bản, mục đích và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 08/3/2023 và ngày 09/3/2023. Tuy nhiên chỉ có nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt. Do đó xác định những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng đã ký kết với tổng số tiền là 4.489.100.000đ, bị đơn mới chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.923.370.000 đồng. Như vậy bị đơn đã vi phạm các điều kiện trong hợp đồng và còn nợ số tiền của nguyên đơn là 611.930.000 đồng được thể hiện trong Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế ngày 05/4/2021. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là: 1.053.420.000 đồng nhưng đến ngày 20/2/2023, nguyên đơn có đơn bổ sung đơn khởi kiện cụ thể: yêu cầu số tiền lãi chậm trả của số tiền 611.930.000 đồng và rút 1 phần số tiền trong số tiền 1.053.420.000 đồng là 441.490.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận.

Về số tiền lãi, HĐXX thấy rằng: Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự quy định về Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả,*

trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Xét về yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Theo Điều 306 Luật Thương mại: Lãi suất do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Từ Liêm, lãi suất cho vay quá hạn trung hạn Ngân hàng ViettinBank + Lãi suất cho vay quá hạn trung hạn Ngân hàng Vietcom Bank/3 = $(8,5\% \times 150\%) + (15,75\%) + (9,8\% \times 150\%) / 3 = 14,4\%$. Tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với lãi suất theo mức là 10%/năm phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu tính số tiền lãi chậm trả từ ngày 14/5/2021 đến ngày 28/03/2023 là 114.853.141 đồng là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 14/5/2021 đến ngày 28/3/2023.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán trả số tiền nợ gốc là: 611.930.000 đồng; lãi tạm tính từ 14/5/2021 đến ngày 28/3/2023 là 114.853.141 đồng. Tổng là 726. 783.141 đồng.

Xét thấy bị đơn đã không thực hiện đúng cam kết của các bên. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003, Điều 50 Luật Thương mại, phù hợp pháp luật. Vì thế cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 611.930.000 đồng và nợ lãi trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 611.930.000đ. Số tiền lãi tính từ ngày 14/5/2021 đến ngày 28/3/2023 là 114.853.141 đồng. Tổng số tiền 726.783.141 đồng. Do nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 441.490.000 đồng nên cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện số nợ gốc 441.490.000 đồng.

Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 76, Điều 81 Luật xây dựng 2003
- Điều 144, điều 146, điều 147 Luật xây dựng 2014
- Điều 357, Điều 468, điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 306, điều 319 Luật thương mại
- Điểm c khoản 1, điều 27 Nghị định số 48 ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **Công ty V** đối với **Công ty A** về Hợp đồng cung cấp và lắp đặt Panel tường, mái và vách ngăn số: 18A/07/2020/HĐ – PANEL, Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03 ngày 17/8/2020 cụ thể:

Buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty V số tiền:

- + Tiền nợ gốc: 611.930.000đồng;
- + Tiền lãi (tính từ ngày 14/5/2021 đến ngày 28/3/2023): 114.853.141đồng.

Tổng: 726.783.141 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi nợ gốc 441.490.000 đồng của Công ty V đối với Công ty A.

2. Về án phí:

Công ty A phải chịu 33.071.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho **Công ty V** số tiền 21.800.000đ tạm ứng án phí đã nộp

số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0034754 ngày 25/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Thanh

